TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2021/DS-ST
Ngày: 25-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Đinh Thị Ngọc Châu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Hải Đăng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa*:** Bà Tăng Tố Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 7/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1360/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2007/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X

Địa chỉ: Số X đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Lê Quang D, trú tại: Số X đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2020).

Ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Nguyễn Thiên D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số Y đường Lê Lợi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP X- Có ông Lê Quang D- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 01/3/2017, bà Huỳnh Nguyễn Thiên D có ký với Ngân hàng TMCP X (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP X- Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 273.895.539 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 03/3/2017 kích hoạt thẻ đến nay bà D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 270.431.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở và liên lạc nhưng bà D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 31/12/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 04/3/2021, bà D còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 10.893.321 đồng, lãi quá hạn: 6.075.069 đồng, tổng cộng: 16.968.390 đ (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm chín mươi đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà D, yêu cầu bà D có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà D trả nợ, tuy nhiên bà D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

- Buộc bà D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 04/3/2021 là 16.968.390 đ (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 10.893.321 đồng, lãi quá hạn: 6.075.069 đồng;

- Bà D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/3/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Đối với Bị đơn- Bà Huỳnh Nguyễn Thiên D:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục

theo quy định pháp luật: Tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng bà D không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Bà D không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng:*

[1.1] Ngày 01/3/2017, bà Huỳnh Nguyễn Thiên D cùng Ngân hàng TMCP X (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) xác lập hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do bà D không thanh toán đúng số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Bà D là Bị đơn, có nơi cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[1.2] Bà D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

Ngân hàng TMCP X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng TMCP X.

[2] *Về pháp luật nội dung*:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà D phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 10.893.321 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 01/3/2017, bà D có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP X. Việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Sau khi được cấp tín dụng, bà D không thanh toán tiền đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng; số tiền gốc bà D còn nợ Ngân hàng là 10.893.321 đồng.

Bà D không còn ở địa chỉ nơi cư trú ghi trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết; Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà D, nhưng bà D không đến Tòa giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của Ngân hàng; do đó, yêu cầu của Ngân hàng đòi bà D trả số tiền nợ gốc 10.893.321 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà D trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 04/3/2021 là: 6.075.069 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/3/2021 cho đến khi bà D trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP X.

Theo trình bày của Ngân hàng, do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31/12/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà D trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 04/3/2021 là 6.075.069 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/3/2021 cho đến khi bà D trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP X là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Huỳnh Nguyễn Thiên D phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP X toàn bộ nợ gốc, lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/3/2017, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP X tính đến ngày 04/3/2021 là 16.968.390 đ (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm chín mươi đồng) trong đó: Nợ gốc: 10.893.321 đ (Mười triệu tám trăm chín mươi ba nghìn ba trăm hai mươi mốt đồng), lãi quá hạn: 6.075.069 đ (Sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày 05/3/2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/3/2017, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP X cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/3/2017, bản Điều khoản và Điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP X các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Nguyễn Thiên D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 848.420 đ (Tám trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X 385.975 đ (Ba trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0030263 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh